

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 7 - 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đức Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Quốc Vương**

Bà **Trịnh Thị Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Lê** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Bích Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 484/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị **Phạm Thị H** trình bày:

Chị và anh **Trần Văn H** đăng ký kết hôn vào năm 1996 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định sau thời gian tìm hiểu là 3 năm. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình nhà anh H được 2 năm rồi chuyển ra ở nhà riêng tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống, anh H thường xuyên rượu chè và đánh đập mẹ con chị, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã ly hôn với nhau từ năm 2004. Sau khi ly hôn, do anh chị lại có thêm con chung nên cả 2 đã tự nguyện quay lại đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2007 tại

UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, anh chị chuyển ra thành phố C, tỉnh Quảng Ninh để sinh sống. Sau khi tái hôn, anh H vẫn rượu chè, chửi bới chị. Bên cạnh đó, anh H đi làm về toàn giấu tiền đi, không đưa cho chị nên kinh tế gia đình không tập trung. Anh H nhiều lần chửi mắng chị và gia đình chị, có lần công an phường phải đến nhà can thiệp về hành vi hành hung của anh H đối với chị. Biểu hiện của mâu thuẫn là vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau, xô xát mà chủ yếu là anh H đánh chị. Bản thân chị thấy mình không có lỗi gì trong việc phát sinh mâu thuẫn, chị cũng đã rất cố gắng nhưng anh H vẫn chứng nào tật ấy, anh H không thay đổi và ngược đãi chị nên chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh H được nữa. Gia đình và hàng xóm láng giềng cũng đã hòa giải mâu thuẫn cho anh chị nhưng không có kết quả, anh H vẫn chửi chị, gây mất trật tự khu phố. Anh chị tuy vẫn sống cùng nhà nhưng thực tế đã sống ly thân được khoảng 1 năm nay, không ai quan tâm đến người kia đi đâu, làm gì. Xét thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng không thể kéo dài, mâu thuẫn của hai vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, ttnh cảm vợ chồng không còn gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H có 02 con chung là Trần Ngọc S sinh ngày 08 tháng 4 năm 1998 và Trần Bảo T sinh ngày 23 tháng 4 năm 2008. Con chung Trần Ngọc S đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Bảo T vì từ khi ly thân đến nay, cháu T vẫn ăn uống và sinh hoạt cùng với chị và cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng chị. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị có yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con chung Trần Bảo T với mức 1.500.000đ/tháng nhưng thực tế từ khi ly thân cho đến hiện nay anh H không có trách nhiệm gì với con. Hơn nữa khi chung sống anh H không đưa kinh tế cho chị thì khi ly hôn anh H cũng không bao giờ đưa tiền cho chị nuôi con nên chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con chung nữa. Hiện tại chị buôn bán tự do, mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị được khoảng 8.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung vì từ trước đến giờ chị vẫn nuôi con tốt mà không cần đến sự hỗ trợ của anh H.

Về tài sản chung: chị H tự thỏa thuận chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H và anh H không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần anh Trần Văn H tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh H không hợp tác, rất nhiều lần Tòa án triệu tập nhưng anh H không đến. Tòa án có nhận được “Đơn kê khai tài sản” ngày 29/3/2021 (không ký tên) của anh H. Tòa án đã gửi Thông báo số 82/2021/TB-TA ngày 01/4/2021 cho anh H thể hiện, nếu anh H có yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn thì anh phải nộp “Đơn yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn” và các tài liệu, chứng cứ kèm theo chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật

nhưng anh H không thực hiện theo Thông báo của Tòa án. Ngày 10/5/2021, Tòa án triệu tập anh H có đến và có viết bản tự khai nhưng không đầy đủ nội dung, khi Tòa án yêu cầu viết bản tự khai bổ sung anh H không khai bổ sung và Tòa án tiến hành lấy lời khai thì anh H cũng không đồng ý, tự ý bỏ về nên không làm rõ quan điểm của anh H đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị H. Sau đó, Tòa án đã triệu tập tiếp nhiều lần anh H đến Tòa án để làm rõ quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H nhưng anh H đều vắng mặt. Do Tòa án triệu tập nhiều lần anh Trần Văn H đều vắng mặt và nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án mà Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tuy nhiên anh Trần Văn H cũng vắng mặt. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp nhưng anh H từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách tố tụng các đương sự tham gia tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử và các thủ tục tố tụng khác. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị H. Về quan hệ hôn nhân: chị H được ly hôn với anh Trần Văn H; Về con chung: Chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Bảo T, anh H không phải cấp dưỡng cho con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên yêu cầu xin ly hôn của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H kết hôn từ năm 1996 nhưng do mâu thuẫn vợ chồng nên năm 2004 anh chị đã ly hôn. Đến năm 2007 anh chị đã kết hôn lại và căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 17/8/2007 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định thể hiện hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn lại vào năm

2007, anh chị đã ra thành phố C chung sống phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh cho đến nay. Anh chị chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh H rượu chè, chửi bới chị. Bên cạnh đó, anh H đi làm về toàn giấu tiền, không đưa cho chị nên kinh tế gia đình không tập trung. Anh H nhiều lần chửi mắng chị và gia đình chị, có lần công an phường phải đến nhà can thiệp về hành vi hành hung của anh H đối với chị. Vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau, xô xát mà chủ yếu là anh H đánh chị. Anh chị đã ly thân 1 năm nay và không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình và hàng xóm hòa giải nhưng không có kết quả. Tình cảm vợ chồng đã không còn gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình theo anh H trình bày là do vấn đề kinh tế và anh chị cãi chửi nhau. Chị H nghi ngờ anh H giấu tiền và gửi em dâu. Cho đến nay anh H cũng xác định anh và chị H không thể sống được với nhau vì chị H theo trai viết đơn bỏ anh và chửi anh rất bậy. Nhiều lần bà con xóm ngõ và trưởng xóm vào nhưng chị H vẫn chửi anh thậm tệ và không hề thay đổi. Anh H tuy trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng chưa có quan điểm về việc đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ hay đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Theo xác minh tại địa phương thể hiện: Chị H và anh H là vợ chồng hợp pháp và cùng chung sống tại phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, giai đoạn trước đây còn xô xát và đánh nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã có từ rất lâu, hàng xóm đã góp ý nhiều lần nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau làm ảnh hưởng đến hàng xóm.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H lúc có mặt, lúc vắng mặt thể hiện sự không hợp tác trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng của bị đơn anh Trần Văn H.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, hai người sống ly thân với nhau từ cuối năm 2019, cả hai đã không còn sự yêu thương và quan tâm dành cho nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H về việc xin ly hôn với anh Trần Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H có 02 con chung là Trần Ngọc S sinh ngày 08 tháng 4 năm 1998 và Trần Bảo T sinh ngày 23 tháng 4 năm 2008. Con chung Trần Ngọc S đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Bảo T vì từ khi ly thân đến nay, cháu T vẫn ăn uống và sinh hoạt cùng với chị và cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng chị. Hiện tại chị buôn bán tự do, mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị được khoảng 8.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Chị

không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con chung vì từ trước đến giờ chị vẫn nuôi con tốt mà không cần đến sự hỗ trợ của anh H.

Anh H đã có bản tự khai tại Tòa án tuy nhiên quan điểm của anh không rõ ràng nên Tòa án không rõ quan điểm của anh H về việc nuôi dưỡng con chung. Con chung Trần Ngọc S đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Tòa án không giải quyết. Từ khi sống ly thân đến nay, con chung Trần Bảo T vẫn ăn uống, sinh hoạt cùng chị H và chị vẫn đảm bảo tốt việc nuôi con. Nguyên vọng xin nuôi con của chị H phù hợp với nguyên vọng của con chung Trần Bảo T. Chính vì thế, việc giao con chung Trần Bảo T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung Trần Bảo T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) để đảm bảo lợi ích toàn diện của con chung.

Do chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con chung nên anh H không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm tự thỏa thuận chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhận được “Đơn kê khai tài sản” ngày 29/3/2021 (không ký tên) của anh H. Tòa án đã gửi Thông báo số 82/2021/TB-TA ngày 01/4/2021 cho anh H thể hiện, nếu anh H có yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn thì anh phải nộp “Đơn yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn” và các tài liệu, chứng cứ kèm theo chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 10/5/2021 và cho đến khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh H không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và không có quan điểm rõ ràng liên quan đến việc chia tài sản chung nên Tòa án không có căn cứ để giải quyết chia tài sản chung trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H. Nếu anh H có nguyên vọng yêu cầu chia tài sản chung thì anh H nộp đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo và Tòa án sẽ giải quyết độc lập ở vụ án khác.

Do đó, về tài sản chung, do nguyên đơn chị Phạm Thị H có quan điểm tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và bị đơn anh Trần Văn H không có Đơn yêu cầu chia tài sản chung, quan điểm không rõ ràng về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Tòa án không đề cập giải quyết. Giành quyền khởi kiện chia tài sản chung cho các đương sự trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

Về công nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “xin ly hôn” của nguyên đơn chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Con chung Trần Ngọc S sinh ngày 08/4/1998 đã đủ 18 tuổi và khỏe mạnh, phát triển bình thường nên Tòa án không đề cập, giải quyết. Giao con chung Trần Bảo T sinh ngày 23/4/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung*: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết, giành quyền khởi kiện chia tài sản chung cho chị H và anh H trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

Về công nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H không vay nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005622, ngày 16/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- THADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND xã Trục Chính;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đức Thanh

